

Bản án số: 13/2026/HS-ST
Ngày 26-5-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - TUYÊN QUANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bình.

Các Hội Thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Hiếu.

2. Ông Lù Xuân Tờ.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lù Ngọc Sơn - Thư ký viên Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Sin Văn Đức, ông Lù Thanh T - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2026 tại Trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2026/TLST-HS ngày 31/3/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2026/QĐXXST-HS ngày 12/5/2026 đối với bị cáo:

ĐẶNG TỪ LẮM, sinh ngày 03/02/1970 tại xã T, tỉnh Tuyên Quang; Nơi cư trú: Thôn N, xã T, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 1/10; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; căn cước công dân số: 002070005353, cấp ngày 03 tháng 12 năm 2022; con ông Đặng Kim S, sinh năm 1957, đã chết và bà Đặng Sà S1, không xác định được năm sinh (Đã chết năm 1981); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Còn nhỏ sống với bố mẹ, học hết lớp 1/10 tại địa phương. Năm 1988 đi bộ đội đến năm 1989 đảo ngũ về địa phương. Năm 1991 bị cáo Đặng Tà L bị Toà án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, 24 tháng thử thách về tội Trộm cắp tài sản. Năm 1995 bị Toà án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang xử phạt 48 tháng tù giam về tội Tàng trữ, sử dụng, mua bán trái phép vũ khí quân dụng và trộm cắp tài sản của công dân. Năm 1999 trở về địa phương và chung sống như vợ chồng với bà Phàn Xà D không đi đăng ký kết hôn. Bị cáo và bà D có 02 con chung với nhau. Năm 2010 bà Phàn Xà D mang theo hai con chung bỏ đi Trung Quốc đến nay không thấy về, không ai biết thông tin bà D và hai con chung. Năm 2015 bị cáo Đặng Từ L1 chung sống như vợ chồng với bà Lý Thị N tại thôn N, xã T, tỉnh Tuyên Quang. Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 10/02/2026. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Đặng Tù L1: Ông Âu Đức N1 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lý Thị N, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn N, xã T, tỉnh Tuyên Quang, có mặt tại phiên tòa.

2. Chị Lý Thị M, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn N, xã T, tỉnh Tuyên Quang, có mặt tại phiên tòa.

3. Chị Lý Thị H, sinh năm 2004; địa chỉ: Thôn N, xã T, tỉnh Tuyên Quang, có mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

1. Cháu Vàng Thị C, sinh ngày 05/5/2009, địa chỉ: Thôn N, xã T, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Vàng Thị C: Ông Vàng Sào T1, sinh năm 1981, địa chỉ: Thôn N, xã T, tỉnh Tuyên Quang, có mặt tại phiên tòa.

2. Ông Trương Đức K, sinh năm 1988, địa chỉ: Thôn N, xã T, tỉnh Tuyên Quang, có mặt tại phiên tòa.

3. Ông Lý Kim S2, sinh năm 1989, địa chỉ: Thôn N, xã T, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt tại phiên tòa.

4. Ông Đặng Tà D1, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn N, xã T, tỉnh Tuyên Quang, có mặt tại phiên tòa.

- Người phiên dịch tiếng dân tộc Dao:

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2015 bị cáo Đặng Tù L1 sinh sống như vợ chồng với bà Lý Thị N, sinh năm 1975, tại thôn N, xã T, tỉnh Tuyên Quang. Lý Tà C1, sinh năm 1994 là con riêng của bà Lý thị N sống cùng nhà với Đặng Tù L1 và Lý Thị N. Ngày 16/10/2025 Lý Tà C1 bị bệnh chết, gia đình bà N tổ chức tang lễ, sau đó đưa Lý Tà C1 lên khu vườn phía sau cách nhà khoảng 50 mét để chôn cất và xây mộ cho Lý Tà C1 bằng gạch xi măng với kích thước thước mộ dài 2,95m, rộng 1,3m, mặt trước cao 1,06m, mặt sau cao 0,2m; hai bên thành mộ cao 0,2m, dài 2,9m.

Chiều ngày 07/12/2025 tại gia đình bà Lý Thị N tổ chức ăn cơm, uống rượu có sự tham dự của ông Lý Kim S2 và ông Trương Đức K ở cùng thôn. Khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày do say rượu nên Trương Đức K và Lý Kim S2 ngủ lại tại nhà bà Lý Thị N.

Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 08/12/2025 sau khi ngủ dậy ông Lý Kim S2

về nhà trước. Ông Trương Đức K ở lại. Bà Lý Thị N và Đặng Tú L1 tiếp tục lấy rượu ra mời ông K cùng uống. Trong lúc đang uống rượu thì Đặng Tú L1 và Lý Thị N xảy ra cãi nhau về chi phí đám tang của Lý Tà C1 và khoản nợ Lý Tà C1 vay ngân hàng 50.000.000 đồng chưa trả. Thấy Đặng Tú L1 và Lý thị N cãi nhau kịch liệt, Trương Đức K ngồi một lúc rồi đi về nhà.

Khoảng 11 giờ ngày 08/12/2025 trong lúc đang cãi nhau với bà Lý Thị Nguyên D2 bức tức không kiềm chế được bị cáo Đặng Tú L1 đã đi xuống bếp lấy một chiếc búa tạ lên khu vực mộ chôn Lý Tà C1 đập phá hai bên thành mộ. Bà Lý Thị N ra can ngăn nhưng Đặng Tú L1 không nghe mà còn cầm đá ném đuổi bà N về. Sau khi đập vỡ hai bên thành mộ của Lý Tà C1 thì Đặng Tú L1 quay về nhà.

Ngày 09/12/2025 bà Lý Thị N đã đến Công an xã T, tỉnh Tuyên Quang trình báo hành vi phạm tội của Đặng Tú L1.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 25/12/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự xã T, tỉnh Tuyên Quang, kết luận: *"Phần mộ bị đập, phá tại thời điểm bị đập, phá ngày 08/12/2025 có giá trị là 703.000 đồng (Bảy trăm linh ba nghìn đồng)"*.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Đặng Tú L1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng, phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, kết quả định giá tài sản và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Với hành vi nêu trên, ngày 29/3/2026 Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang ra bản Cáo trạng số 11/CT-VKSKV6 truy tố bị cáo Đặng Tú L1 về tội "Xâm phạm mồ mả" theo quy định tại khoản 1 Điều 319 Bộ luật hình sự.

Vật chứng thu giữ:

01 (một) con dao nhọn dài 35cm, phần chuôi dao dài 16cm, bản rộng 03cm, mũi dao sắc, nhọn; 01 (một) hòn đá cuội hình bầu dục có kích thước 20 x 10cm; 01 (một) búa tạ có kích thước 6 x 13,5cm, cán bằng gỗ dài 70cm; 01 (một) USB, nhãn hiệu TOSHIBA, màu bạc, loại 08GB, bên trong USB chứa 02 File video: File video thứ nhất có số: 7309006103005, 00:02:49, dung lượng 43.7MB; File video thứ hai có số: 7309006201691, 00:01:47, dung lượng 27.7MB; 05 (năm) miếng gạch xi măng vỡ, bằng xi măng.

Tại phiên tòa bị cáo Đặng Tú L1 đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình, đúng với lời khai tại cơ quan Điều tra và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang truy tố và không kêu oan.

Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra, bị cáo Đặng Tú L1 đã tự nguyện thỏa thuận, bồi thường cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Lý Thị N số tiền là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) để sửa lại phần mộ của Lý Tà C1. Bà Lý Thị N

đã nhận đủ số tiền và không có yêu cầu gì thêm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến về quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang, nội dung của Cáo trạng và Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xã T, tỉnh Tuyên Quang.

Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng có lời khai phù hợp với lời khai của họ tại Cơ quan điều tra.

Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị N thừa nhận 01 (một) con dao nhọn dài 35cm, phần chuôi dao dài 16cm, bản rộng 03cm, mũi dao sắc, nhọn; 01 (một) búa tạ có kích thước 6 x 13,5cm, cán bằng gỗ dài 70cm là tài sản của chồng cũ để lại có trước khi bị cáo Đặng Tú L1 đến ở chung với bà. Bà Lý Thị N đề nghị tịch thu tiêu huỷ những tài sản này.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang phát biểu lời luận tội và tranh luận: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình là đúng với thực tế. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đặng Tú L1 phạm tội “Xâm phạm mồ mả” theo quy định tại khoản 1 Điều 319 Bộ luật hình sự.

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 319; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Đặng Tú L1 từ 6 tháng đến 9 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) con dao nhọn dài 35cm, phần chuôi dao dài 16cm, bản rộng 03cm, mũi dao sắc, nhọn; 01 (một) búa tạ có kích thước 6 x 13,5cm, cán bằng gỗ dài 70cm. 01 (một) hòn đá cuội hình bầu dục có kích thước 20 x 10cm; 05 (năm) miếng gạch xi măng vỡ, bằng xi măng.

Chuyển giao cho Toà án nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang lưu hồ sơ vụ án: 01 (một) USB, nhãn hiệu TOSHIBA, màu bạc, loại 08GB, bên trong USB chứa 02 File video: File video thứ nhất có số: 7309006103005, 00:02:49, dung lượng 43.7MB; File video thứ hai có số: 7309006201691, 00:01:47, dung lượng 27.7MB.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã tiến hành bồi thường cho nhau và không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

Luận cứ bào chữa của người bào chữa cho bị cáo Đặng Tú L1 đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Xâm phạm mồ mả” theo quy định tại khoản 1 Điều 319 luật hình sự. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 319; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Đặng Tú L1 từ 6 đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 20 tháng. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự bồi thường giữa bị cáo và người có

quyền lợi nghĩa vụ liên quan, không đề nghị xem xét về trách nhiệm dân sự. Về án phí: Đề nghị miễn toàn bộ án phí hình sự cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo Đặng Tú L1: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và đồng ý với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Tuyên Quang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người làm chứng: Tại phiên tòa người làm chứng vắng mặt không có lý do. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt người làm chứng. Kiểm sát viên đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng. Hội đồng xét xử sau khi thảo luận xét thấy người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng.

[3] Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội của bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường cùng các vật chứng, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập tại hồ sơ vụ án. Như vậy đủ cơ sở kết luận bị cáo Đặng Tú L1 đã có hành vi phá hoại phần mộ của Lý Tà Cầu là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 319 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang truy tố bị cáo Đặng Tú L1 về tội "Xâm phạm mồ mả" là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[4] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật, thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến phong tục, tập quán trong việc chôn cất thi thể là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, làm ảnh hưởng đến truyền

thống tâm linh của dân tộc, do đó cần phải xử lý bị cáo với mức hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để cải tạo và giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đặng Tú L1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; Bị cáo Đặng Tú L1 ngoài lần phạm tội này đã phạm tội hai lần vào năm 1991 và 1995, bị cáo đã được xóa án tích, lần phạm tội này là ít nghiêm trọng. Căn cứ khoản 9 Điều 2 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 9 năm 2025 bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống trong vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Xét các căn cứ quyết định hình phạt: Ngoài lần phạm tội này, bị cáo Đặng Tú L1 đã từng bị Tòa án nhân dân xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, 24 tháng thử thách về tội Trộm cắp tài sản; 48 tháng tù giam về tội Tàng trữ, sử dụng, mua bán trái phép vũ khí quân dụng và trộm cắp tài sản của công dân. Bị cáo Đặng Tú L1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 và một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Trên cơ sở xem xét, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù bị cáo Đặng Tú L1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng bị cáo đã nhiều lần phạm tội, có nhân thân xấu nên cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ nghiêm, để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự: 01 (một) hòn đá cuội hình bầu dục có kích thước 20 x 10cm; 05 (năm) miếng gạch xi măng vỡ, bằng xi măng, 01 (một) con dao nhọn dài 35cm, phần chuôi dao dài 16cm, bản rộng 03cm, mũi dao sắc, nhọn; 01 (một) búa tạ có kích thước 6 x 13,5cm, cán bằng gỗ dài 70cm là tài sản riêng của bà Lý Thị N bị cáo Đặng Tú L1 chiếm đoạt sử dụng. Bà Lý Thị N đề nghị tịch thu tiêu hủy. Hội đồng xét xử xét thấy những tài sản này không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy; 01 (một) USB, nhãn hiệu TOSHIBA, màu bạc, loại 08GB, bên trong USB chứa 02 File video: File video thứ nhất có số: 7309006103005, 00:02:49, dung lượng 43.7MB; File video thứ hai có số: 7309006201691,

00:01:47, dung lượng 27.7MB đây là USb chứa file video ghi hình ảnh phạm tội của bị cáo Đặng Tú L1 nên cần **chuyển giao cho Toà án nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang để lưu hồ sơ vụ án.**

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội đối với bị cáo như đề nghị về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt và những vấn đề khác của vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[11] Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Đặng Tú L1 được hưởng án treo là không có căn cứ do bị cáo có nhân thân xấu. Căn cứ Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao, Hội đồng xét xử không có căn cứ cho bị cáo Đặng Tú L1 được hưởng án treo.

[12] Về án phí: Bị cáo Đặng Tú L1 sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn. Bị cáo Đặng Tú L1 là người dân tộc Dao theo Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ là đồng bào dân tộc thiểu số. Bị cáo có đơn xin miễn án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Đặng Tú L1 được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

[13] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 319; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 47, Điều 50 của Bộ luật Hình sự.

- Điều 106, Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố bị cáo Đặng Tú L1 phạm tội "Xâm phạm mồ mả".

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Đặng Tú L1 06 tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo Đặng Tú L1 đi thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên toà người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

4. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) con dao nhọn dài 35cm, phần chuôi dao dài 16cm, bản rộng 03cm, mũi dao sắc, nhọn (cũ, đã qua sử dụng); 01 (một) búa tạ có kích thước 6 x 13,5cm, cán bằng gỗ dài 70cm (đã qua sử dụng); 01 (một) hòn đá cuội hình bầu dục có kích thước 20 x 10cm; 05 (năm) miếng gạch xi măng vỡ, bằng xi măng.

- **Chuyển giao cho Toà án nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang lưu hồ sơ vụ án:** 01 (một) chiếc USB, nhãn hiệu TOSHIBA, màu bạc, loại 08GB, chứa 02 (hai) File video: File video thứ nhất có số: 7309006103005, 00:02:49, dung lượng 43.7MB; File video thứ hai có số: 7309006201691, 00:01:47, dung lượng 27.7MB.

(Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh T và Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 - Tuyên Quang ngày 02/4/2026).

5. Về án phí: Bị cáo Đặng Tú L1 được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 6 - Tuyên Quang;
- UBND xã Thông Nguyên, tỉnh Tuyên Quang;
- PC11, PV 06 Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Bình